

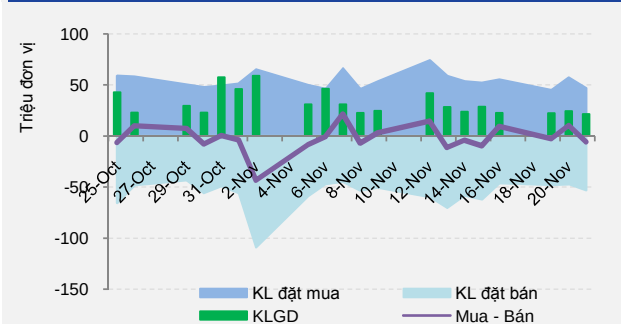
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/11/2012

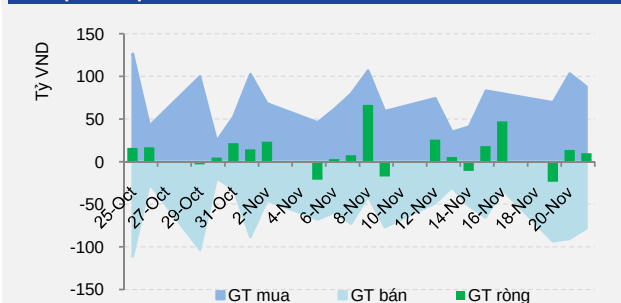
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	383.9	51.4
% Thay đổi	↓ -0.3%	↓ -0.9%
KLGD (CP)	21,613,044	14,951,275
GTGD (tỷ đồng)	364.70	85.37
Tổng cung (CP)	52,929,760	48,983,700
Tổng cầu (CP)	46,967,720	34,081,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,237,952	393,800
KL mua (CP)	2,724,732	401,100
GTmua (tỷ đồng)	87.95	4.48
GT bán (tỷ đồng)	78.16	2.03
GT ròng (tỷ đồng)	9.79	2.45

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.15%	9.0	1.3	1.0%
Công nghiệp	↓ -0.62%	12.4	0.8	12.1%
Dầu khí	→ 0.00%	4.2	0.9	1.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.18%	9.5	1.1	0.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.14%	6.6	1.9	1.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.34%	13.4	4.0	37.2%
Ngân hàng	↓ -0.02%	4.8	1.3	11.3%
Nguyên vật liệu	↓ -0.69%	5.9	2.0	8.8%
Tài chính	↓ -0.30%	28.5	2.9	22.9%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.33%	11.9	2.4	3.0%
VN - Index	↓ -0.32%	10.3	2.5	81.6%
HNX - Index	↓ -0.94%	11.7	1.4	18.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	231,400	1.1%	324,220	1.5%
GTGD (tỷ VND)	3,154	0.9%	5,233	1.4%

GIẢM ĐIỂM TRÊN HAI SÀN KHI TIẾP CẬN VÙNG KHÁNG CỰ - NHÓM CỔ PHIẾU NHỎ GIẢM MẠNH HƠN THỊ TRƯỜNG CHUNG

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng giảm nhẹ của thị trường. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường là khoảng 372 điểm đối với VN-Index; 50 điểm đối với HNX-Index.

Diễn biến thị trường:

- Thị trường giảm điểm trên hai sàn với thanh khoản thấp, khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA20.

- Nhóm cổ phiếu nhỏ chịu áp lực cung khá mạnh. Chỉ số HNX-Index giảm mạnh hơn VN-Index và các chỉ số Index phân theo ngành.

Nhận định:

Thị trường nhanh chóng giảm điểm trên hai sàn, khi tiến đến ngưỡng cản của đường MA20.

Mức giảm điểm của HNX-Index mạnh hơn VN-Index, khi áp lực cung giá thấp của nhóm cổ phiếu nhỏ khá mạnh. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu Bluechips được hỗ trợ của yếu tố cơ bản, biến động giá không nhiều. Thực tế này cho thấy nhà đầu tư khá thận trọng trong quyết định giao dịch.

Cập nhật thông tin vĩ mô, sau mức tăng đột biến trong tháng 9, CPI tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 11. Dự kiến CPI năm 2012 cả nước chỉ khoảng 7-8%. Thực tế này khiến thị trường đang xuất hiện kỳ vọng về khả năng tiếp tục giảm lãi suất huy động của NHNN (hiện trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 12 tháng là 9%).

Khả năng giảm lãi suất là có thể, khi 1/ CPI cả năm 2012 dự kiến dưới 8%, mục tiêu CPI 2013 chỉ từ 7-8%; 2/ thanh khoản hệ thống Ngân hàng khá dồi dào; 3/ kênh tiết kiệm vẫn được đa số người dân chọn lựa. Tuy nhiên, việc giảm lãi suất để đạt được hiệu quả cao, cần sự phối hợp đồng bộ của các giải pháp nhằm thúc đẩy tổng cầu, giảm hàng tồn kho.

Theo phân tích kỹ thuật, thị trường đã giảm điểm trở lại với KLGD thấp khi tiếp cận đường MA20. Với diễn biến này, thị trường đã quay trở lại xu hướng giảm điểm sau khi kiểm định không thành công ngưỡng cản kỹ thuật. Chỉ báo RSI vẫn cho tín hiệu động lực thị trường yếu.

Diễn biến thị trường giảm nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu mới về kỹ thuật. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng giảm của thị trường. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường là khoảng 372 điểm đối với VN-Index; 50 điểm đối với HNX-Index.



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Phục hồi kỹ thuật	Tăng	Tăng
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
372		
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
400	405	



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Giảm	Giảm	Giảm
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
50		
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
56	59	

VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index giảm điểm nhẹ với khối lượng giao dịch rất thấp khi tiến đến ngưỡng cản của đường MA20.
- Với diễn biến của phiên giao dịch này thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index nhìn chung là không thay đổi.
- Chỉ số VN-Index có thể sideways nhẹ nhưng sau đó sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 372 điểm.

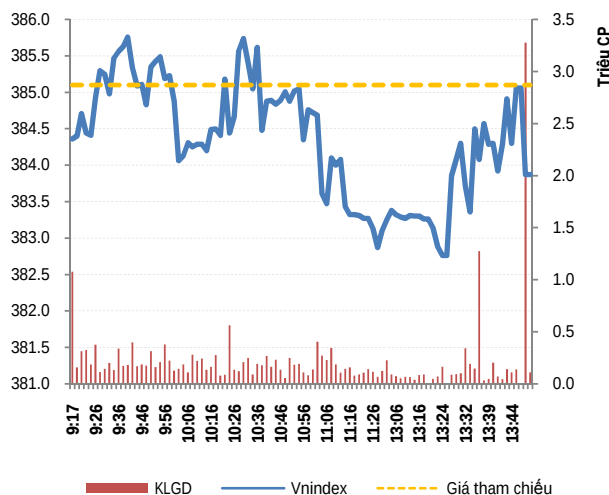
HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ với khối lượng giao dịch rất thấp khi tiến đến ngưỡng cản của đường MA20.
- Với diễn biến của phiên giao dịch này thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số HNX-Index nhìn chung là không thay đổi.
- Chỉ số HNX-Index có thể sideways nhẹ nhưng sau đó sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 50 điểm.

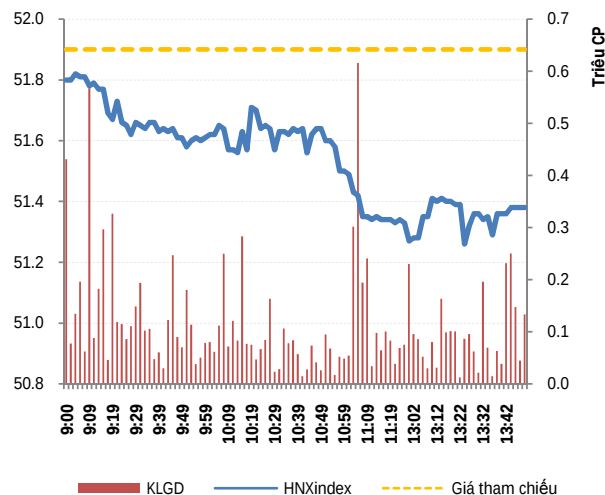


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

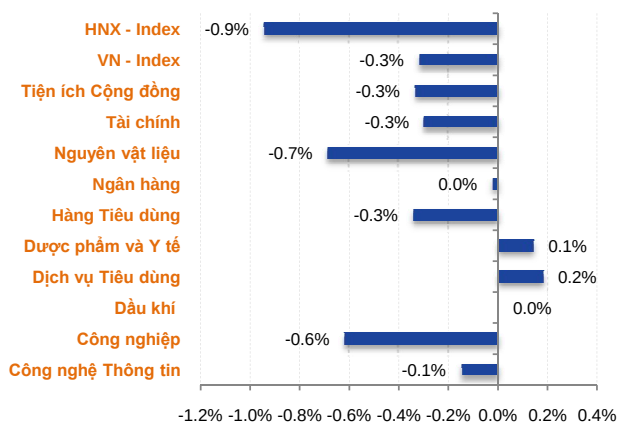
KLGD và VN-Index trong phiên



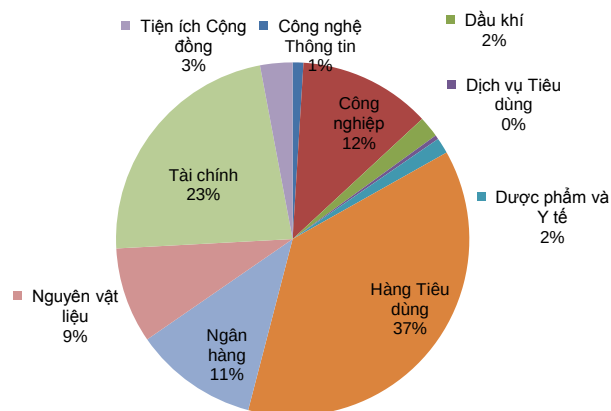
KLGD và HNX-Index trong phiên



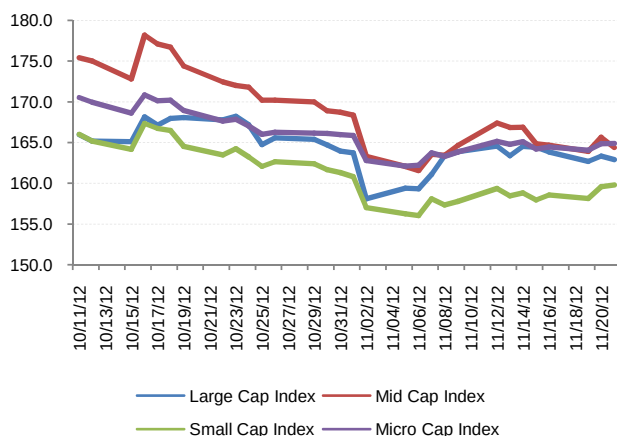
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



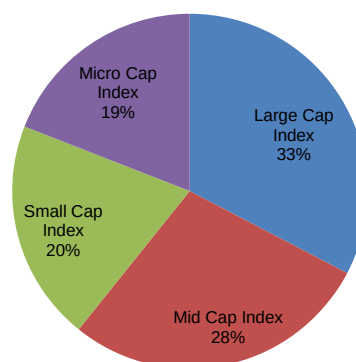
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KDC	630,900	STB	343,480
2	MBB	179,000	HAG	339,880
3	CTG	156,100	TLG	324,400
4	DRC	130,500	SBS	220,000
5	DIG	72,120	GMD	148,090

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	117,400	SHB	345,400
2	KLS	60,000	PLC	4,800
3	VND	60,000	SHS	4,200
4	DBC	29,600	STL	2,000
5	HPC	20,000	NST	1,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KDC	40.5	40.9	↑ 0.99%	2,608,134
MBB	12.1	12.1	→ 0.00%	1,230,140
SSI	14.9	14.9	↑ 0.00%	1,128,160
STB	18.4	18.4	→ 0.00%	835,750
ITA	4.0	3.9	↓ -2.50%	769,720

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	4.5	4.2	↓ -6.67%	3,266,500
SHB	5.0	4.9	↓ -2.00%	1,603,459
VND	8.1	8.0	↓ -1.23%	1,170,200
PVX	4.4	4.3	↓ -2.27%	930,185
KLS	7.5	7.5	→ 0.00%	844,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
HLA	4.0	4.2	0.2	↑ 5.00%
FDC	22.5	23.6	1.1	↑ 4.89%
VFG	39.0	40.9	1.9	↑ 4.87%
DQC	16.8	17.6	0.8	↑ 4.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
NVC	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
SHN	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
S91	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
SPI	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
DCL	8.0	7.6	-0.4	↓ -5.00%
PIT	6.0	5.7	-0.3	↓ -5.00%
VNS	24.7	23.5	-1.2	↓ -4.86%
GMD	16.7	15.9	-0.8	↓ -4.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
SVS	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
PPP	8.9	8.3	-0.6	↓ -6.74%
DHT	26.9	25.1	-1.8	↓ -6.69%
GBS	7.5	7.0	-0.5	↓ -6.67%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	2,608,134	8.4%	2,295	17.8	1.5
MBB	1,230,140	22.1%	3,210	3.8	0.9
SSI	1,128,160	7.8%	1,136	13.1	1.0
STB	835,750	14.2%	2,441	7.5	1.3
ITA	769,720	1.1%	145	26.9	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	3,266,500	1.5%	245	17.2	0.3
SHB	1,603,459	-16.0%	(2,047)	-	0.5
VND	1,170,200	-0.2%	(22)	-	0.7
PVX	930,185	-9.0%	(1,001)	-	0.5
KLS	844,000	0.1%	17	431.6	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 16.7%	-16.6%	(1,634)	(0.4)	0.1
HLA	↑ 5.0%	5.2%	687	6.1	0.3
FDC	↑ 4.9%	6.6%	1,263	18.7	1.2
VFG	↑ 4.9%	17.0%	6,810	6.0	1.0
DQC	↑ 4.8%	7.9%	2,491	7.1	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 12.5%	-194.7%	(7,434)	17.2	0.7
NVC	↑ 11.1%	-54.8%	(5,095)	(0.2)	0.2
SHN	↑ 11.1%	-104.8%	(5,673)	(0.2)	0.3
S91	↑ 7.0%	10.3%	1,434	3.2	0.3
SPI	↑ 6.9%	0.9%	97	111.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	630,900	8.4%	2,295	17.8	1.5
MBB	179,000	22.1%	3,210	3.8	0.9
CTG	156,100	21.6%	2,562	7.4	1.5
DRC	130,500	28.5%	3,999	6.2	1.6
DIG	72,120	1.7%	322	38.8	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	117,400	25.2%	5,003	3.0	0.7
KLS	60,000	0.1%	17	431.6	0.6
VND	60,000	-0.2%	(22)	-	0.7
DBC	29,600	23.2%	6,847	3.3	0.8
HPC	20,000	-21.7%	(1,501)	-	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,526	26.0%	4,692	8.3	2.8
VNM	72,239	38.6%	9,380	13.9	5.2
MSN	64,604	13.4%	3,619	26.0	4.2
VCB	54,228	10.8%	1,832	12.8	1.3
VIC	53,585	18.3%	2,404	31.8	5.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	13,784	18.5%	2,603	5.6	1.1
SQC	8,756	12.0%	1,388	57.3	6.5
PVS	4,467	25.2%	5,003	3.0	0.7
SHB	4,342	-16.0%	(2,047)	-	0.5
PVI	3,397	6.7%	1,810	8.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LCM	3.04	33.3%	4,684	3.3	1.2
KBC	3.01	-4.1%	(614)	-	0.4
OGC	2.92	3.8%	424	18.9	0.7
DXG	2.80	3.9%	525	16.6	0.6
KTB	2.79	13.1%	1,380	4.5	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDH	2.66	-18.1%	(1,821)	-	0.3
PVL	2.56	-4.9%	(522)	-	0.2
SCR	2.33	1.5%	245	17.2	0.3
PFL	2.27	-0.3%	(36)	-	0.2
PVA	2.23	-3.0%	(472)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)